

## **ĐƯỜNG LỐI CHIẾN LƯỢC GIẢI PHÓNG DÂN TỘC CỦA ĐẢNG TRONG THỜI KỲ 1930-1945**

*PGS, TS Vũ Quang Hiến\**

Để xác định đường lối cách mạng giải phóng dân tộc, Đảng đã dũng cảm vượt lên những khuôn mẫu giáo điều, phải trải qua cuộc đấu tranh nội bộ, có lúc rất gay gắt; thể hiện tính chiến đấu, bản lĩnh chính trị, tinh thần độc lập tự chủ và sáng tạo của Đảng.

Từ Cương lĩnh chính trị đầu tiên đến Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng (5-1941), đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng đã hình thành, từng bước vượt qua những khó khăn về vận dụng lý luận và nhận thức thực tiễn nhằm xác định chính xác kẻ thù, nhiệm vụ chiến lược, đề ra chủ trương tập hợp lực lượng đúng đắn và phương pháp cách mạng khoa học, khẳng định sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và nắm vững Tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện lịch sử cụ thể ở một nước thuộc địa.

Với chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn, ngay trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), *“Đảng ta đã tiêu biểu cả tinh thần cách mạng của giai cấp và dân tộc, đủ lý thuyết, lãnh đạo năng lực của toàn dân đánh Pháp, đuổi Nhật, đi đến thực hiện chủ nghĩa cộng sản”*<sup>1</sup>.

### **1. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng ở thuộc địa là giải phóng dân tộc**

Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, Việt Nam từ một xã hội phong kiến thuần túy biến thành một xã hội thuộc địa. Mặc dầu tính chất phong kiến còn được duy trì một phần, song tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội và giai cấp đều bị đặt trong quỹ đạo chuyển động của xã hội thuộc địa. Trong lòng xã hội Việt Nam hình thành nên những mâu thuẫn đan xen nhau, nhưng mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai phản động. Sự thống trị, áp bức và bóc lột càng tăng thì mâu thuẫn đó càng sâu sắc, sự phản kháng và đấu tranh vì sự tồn vong của dân tộc càng phát triển mạnh mẽ, gay gắt về tính chất, đa dạng về nội dung và hình thức. Trái lại, sự xung đột, đấu tranh về quyền lợi riêng của mỗi giai cấp trong nội bộ dân tộc được giảm thiểu và không quyết liệt như cuộc đấu tranh dân tộc. Từ năm 1924, Hồ Chí Minh vạch rõ: "Cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây... Sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu. Điều đó không thể chối cãi được"<sup>1</sup>.

Yêu cầu trước hết của dân tộc Việt Nam nói chung, giai cấp nông dân nói riêng là tiến hành cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và tay sai phản động, giành độc lập dân tộc. Xét về tính chất, cuộc đấu tranh ở thuộc địa là một cuộc đấu tranh dân tộc, chứ chưa phải là cuộc đấu tranh giai cấp như ở các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây.

---

\* Đại học Quốc gia Hà Nội

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 109.

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 2, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, HN, 2000, tr. 464.

Năm 1917 Cách mạng tháng Mười Nga thành công, mở ra trước mắt các dân tộc thuộc địa “*thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc*”<sup>1</sup>. Hưởng theo tiếng súng của Cách mạng tháng Mười, Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và xác định con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản. Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927), Người phân biệt ba loại cách mạng: “*Tư bản cách mệnh*”, “*Dân tộc cách mệnh*” và “*Giai cấp cách mệnh*”, đồng thời xác định tính chất và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là giải phóng dân tộc.

*Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và được Hội nghị thành lập Đảng thông qua đã xác định phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam là “*làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản*”. Đó là một quá trình phát triển lâu dài, phải trải qua những giai đoạn chiến lược khác nhau, mà trước tiên là giành độc lập dân tộc. Nhiệm vụ chống đế quốc và tay sai được nhấn mạnh trên cả hai phương diện chính trị và kinh tế: về chính trị, đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập, dựng ra Chính phủ công nông binh và tổ chức ra quân đội công nông; về kinh tế, tịch thu hết các sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v.) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý; tịch thu hết ruộng đất của bọn đế quốc chủ nghĩa làm của công và chia cho dân cày nghèo... Trong khi chủ trương tịch thu ruộng đất đang nằm trong tay kẻ thù dân tộc, Đảng đặt vấn đề “*chuẩn bị cách mạng thổ địa và lật đổ bọn địa chủ phong kiến*”<sup>2</sup>. Với chiến lược đấu tranh dân tộc, *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng đã đáp ứng đúng yêu cầu khách quan của lịch sử, phù hợp với nguyện vọng độc lập tự do của quần chúng nhân dân, làm cho Đảng nắm quyền lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam và phát động được một phong trào cách mạng rộng lớn ngay từ đầu năm 1930.

Tháng 10-1930, *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (Dự án để thảo luận trong Đảng)* được thay thế cho *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhấn mạnh mâu thuẫn giai cấp ngày càng diễn ra gay gắt ở Việt Nam, Lào và Cao Miên là “*một bên thì thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ; một bên thì địa chủ, phong kiến, tư bản và đế quốc chủ nghĩa*”. Luận cương xác định tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc “*cách mạng tư sản dân quyền*”. Đó là “*thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng*”. Sau khi cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi sẽ tiếp tục “*phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa*”<sup>3</sup>. Luận cương cho rằng nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là phải “*tranh đấu để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tư bản và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để*” và “*đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập*”. Hai nhiệm vụ đó phải được đặt ngang hàng nhau và tiến hành đồng thời với nhau: “*...có đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mới phá được cái giai cấp địa chủ và làm cách mạng thổ địa được thắng lợi; mà có phá tan chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa*”. Luận cương

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t. 8, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 563.

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 6.

<sup>3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 2, sđd, tr. 93-94.

khẳng định: "*Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền*", là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày. Luận cương quá nhấn mạnh cách mạng ruộng đất và đấu tranh giai cấp. Đó là điều không phù hợp với thực tế của xã hội thuộc địa.

Tháng 11-1930, Ban Thường vụ Trung ương Đảng nhận thấy mâu thuẫn chủ yếu ở Đông Dương là mâu thuẫn dân tộc, nhấn mạnh cuộc đấu tranh dân tộc. Bản Chỉ thị *Về vấn đề thành lập Hội phản đế đồng minh*, nêu rõ: "Trong cách mạng phản đế và điền địa ở Đông Dương thì dân tộc Việt Nam là một dân tộc có lịch sử đấu tranh bất diệt với giặc Pháp từ ngày Pháp chiếm đến nay, nên *dân tộc phản đế trong nhân dân rất mạnh*"<sup>1</sup>. Đây là một nhận thức đúng thực tiễn, phù hợp với quan điểm trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng.

Nhưng, tháng 12-1930, *Thư của Trung ương gửi các cấp đảng bộ* lại nhấn mạnh cuộc đấu tranh chống giai cấp bóc lột. Ban Thường vụ Trung ương cho rằng phải xét địa chủ "về phương diện giai cấp". Đó là một giai cấp tuy sở hữu ruộng đất không đều nhau, nhưng đều "dùng cái quyền có đất để bóc lột dân nghèo, hãm hại kinh tế dân cày" và ngăn trở sản xuất. Địa chủ là "thù địch của dân cày không kém gì đế quốc chủ nghĩa", "có quan hệ mật thiết với quyền lợi của đế quốc chủ nghĩa", "liên kết với đế quốc mà bóc lột dân cày". Giai cấp tư sản "có một bộ phận đã ra mặt phản cách mạng", một bộ phận khác "kiếm cách hòa hiệp với đế quốc", một bộ phận "ra mặt chống đế quốc", nhưng đến khi cách mạng phát triển "cũng sẽ theo phe đế quốc mà chống cách mạng". Ban Thường vụ Trung ương chủ trương "tiêu diệt địa chủ", tịch thu tất cả ruộng đất của địa chủ mà giao cho bản và trung nông"<sup>2</sup>. Nhận thức này còn tiếp tục kéo dài trong một thời gian sau.

Tháng 10-1936, trong văn kiện *Chung quanh vấn đề chiến sách mới*, Trung ương Đảng đã dùng cảm phê phán quan điểm của *Luận cương chính trị tháng 10-1930*: "Cuộc dân tộc giải phóng không nhất định phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa. Nghĩa là không thể nói rằng: muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng điền địa, muốn giải quyết vấn đề điền địa cần phải đánh đổ đế quốc. Lý thuyết ấy có chỗ không xác đáng... nếu phát triển cuộc tranh đấu chia đất mà ngăn trở cuộc tranh đấu phản đế thì phải lựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước. Nghĩa là chọn địch nhân chính, nguy hiểm nhất, để tập trung lực lượng của một dân tộc mà đánh cho được toàn thắng"<sup>3</sup>. Những quan điểm trong *Chung quanh vấn đề chiến sách mới* phù hợp với yêu cầu thực tiễn, bước đầu khắc phục hạn chế của *Luận cương chính trị tháng 10-1930* và khẳng định chủ trương đúng đắn trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng.

Tháng 9-1939, cuộc Chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ và ngày càng lan rộng, tác động mạnh mẽ đến Đông Dương. Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng (11-1939) phân tích tình hình, đánh giá thái độ các giai cấp xã hội, các đảng phái và xu hướng chính trị ở Đông Dương, chỉ rõ tất cả các dân tộc, các giai cấp, trừ một số phản động làm tay sai đế quốc, "đều phải gánh những tai hại ghê gớm của đế quốc chiến tranh, đều căm tức kẻ thù chung là đế quốc chủ nghĩa". Với quan điểm toàn diện, Trung ương Đảng đã chỉ rõ những

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 2, sđd, tr. 229.

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 2, sđd, tr. 235-236.

<sup>3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 152 và 156.

hạn chế của các giai cấp địa chủ và tư sản, đồng thời cũng khẳng định mặt tích cực của họ: “Đám đông trung tiểu địa chủ và tư sản bốn xứ cũng căm tức đế quốc”. Nhân mạnh chiến lược đấu tranh dân tộc, Hội nghị chỉ rõ: “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập”, “chiến lược cách mệnh tư sản dân quyền bây giờ cũng phải thay đổi ít nhiều cho hợp với tình thế mới”, “nhiệm vụ chính cốt của cách mệnh là đánh đổ đế quốc”. “Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mệnh, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết”<sup>1</sup>. Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng (11-1940) vạch rõ: “chính sách bóc lột của đế quốc Pháp làm cho nhân dân Đông Dương từ giàu đến nghèo đều cảm thấy sự thiệt thòi vô kể”, vì thế, “trừ một số ít bọn phong kiến bản xứ, một phần đại tư bản, đại địa chủ và một nhóm tiểu tư sản nhát gan đi theo Pháp hay Nhật, còn hầu hết các tầng lớp nhân dân hiện nay đương căm tức với đế quốc Pháp, hoặc ít nhiều căm ghét chúng”<sup>2</sup>.

Tại Hội nghị lần thứ tám (5-1941) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì, Ban Chấp hành Trung ương Đảng hết sức nhân mạnh mâu thuẫn dân tộc đang phát triển gay gắt dưới hai tầng áp bức Nhật, Pháp. Hội nghị phân tích: “Đế quốc Pháp - Nhật chẳng những áp bức các giai cấp thợ thuyền, dân cày, mà chúng nó áp bức, bóc lột cả các dân tộc không chừa một hạng nào. Dẫu là anh tư bản, anh địa chủ, một anh thợ hay một anh dân cày đều cảm thấy cái ách nặng nề của đế quốc là không thể nào sống được. Quyền lợi tất cả các giai cấp đều bị cướp giật, vận mạng dân tộc nguy vong không lúc nào bằng”. “Pháp - Nhật ngày nay không phải chỉ là kẻ thù của công nông, mà là kẻ thù của cả dân tộc Đông Dương”. Không chỉ quần chúng lao khổ, mà cả “các tầng lớp tiểu tư sản, phú nông, địa chủ, viên chức thầy đều bị phá sản và khánh kiệt dưới sự bóc lột của Pháp - Nhật”. Về thái độ chính trị của các giai cấp, Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhận xét: giai cấp vô sản và dân cày nghèo nàn “đã hăng hái chống đế quốc quyết liệt hơn”. Giai cấp tiểu tư sản “đều hăng hái tham gia hoặc cảm tình với cách mạng”. Giai cấp địa chủ, phú nông và một phần tư sản bản xứ, chỉ trừ một số ít làm tay sai cho đế quốc, còn “phần đông có cảm tình với cách mạng hoặc giữ thái độ trung lập”. Hội nghị khẳng định: “Nhiệm vụ giải phóng dân tộc, giành độc lập cho đất nước là một nhiệm vụ trước tiên của Đảng ta và của cách mạng Đông Dương hợp với nguyện vọng chung của tất cả nhân dân Đông Dương”. “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, nếu không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”. Hội nghị chủ trương “*thay đổi chiến lược*” và giải thích rõ về nội dung sự thay đổi đó: “cuộc cách mạng ở Đông Dương hiện tại *không phải là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phân đế và điền địa nữa, mà là một*

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 6, sđd tr. 534-539

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 7, sđd, tr. 53-54.

cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp "dân tộc giải phóng". "Trong giai đoạn hiện tại ai cũng biết rằng nếu không đánh đuổi được Pháp - Nhật thì vận mạng của dân tộc phải chịu kiếp trâu ngựa muôn đời mà vấn đề ruộng đất cũng không làm sao giải quyết được. Vậy thì trong lúc này *muốn giải quyết nhiệm vụ giải phóng không thể đưa thêm một nhiệm vụ thứ hai chưa cần thiết* với toàn thể nhân dân, giải quyết mà có hại cho nhiệm vụ thứ nhất". Vấn đề ruộng đất mà Hội nghị 8 bàn đến là chia lại công điền, và chia ruộng đất "tích thu của Việt gian phản quốc", tức là ruộng đất đang nằm trong tay kẻ thù của dân tộc, chứ không phải của địa chủ nói chung, nhằm đánh lại kẻ thù của dân tộc cả về chính trị và kinh tế. Vì thế, "Trong khi tuyên truyền, không được dùng những khẩu hiệu quá thời... Không nên nói đánh đổ Nam triều phong kiến và tịch thu ruộng đất của địa chủ mà nói diệt trừ bọn Việt gian phản quốc"<sup>1</sup>.

Chiến lược giải phóng dân tộc của Đảng còn được trình bày trong nhiều văn kiện tiếp theo. Nghị quyết Ban Thường vụ Trung ương Đảng (2-1943) khẳng định không thể hoàn thành luôn một lúc hai nhiệm vụ: "cách mạng dân tộc giải phóng và cách mạng thổ địa". "Lúc này, nhiệm vụ dân tộc giải phóng cần kíp và quan trọng hơn. Nên Đảng phải thống nhất mọi lực lượng cách mạng đang mau hoàn thành nhiệm vụ ấy trước... Do đó khẩu hiệu thổ địa cách mạng không thể đặt ra lúc này. Như thế *chiến lược của Đảng có thay đổi ít nhiều chứ không phải chỉ có chiến thuật mà thôi*..."<sup>2</sup>.

Như vậy, trải qua một quá trình nhận thức thực tiễn, vượt qua được quan điểm giáo điều, Đảng đã khẳng định mâu thuẫn chủ yếu và nhiệm vụ chiến lược hàng đầu của cách mạng thuộc địa, kiên quyết giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa thực dân. Đó là cơ sở để xác định chủ trương và hình thức tập hợp lực lượng cách mạng.

## **2. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc**

Chủ nghĩa đế quốc xâm lược đất nước ta, áp bức bóc lột nhân dân ta, thì chủ yếu là áp bức bóc lột nông dân, làm cho họ "lâm vào cảnh tuyệt vọng"<sup>3</sup>. "Không hiểu hết quá trình phát triển của tư bản thực dân trong nước thuộc địa với tất cả sự bóc lột dựa vào bộ máy cai trị của nó, với tất cả các tầng lớp trong nước phụ thuộc nó, đã đề lên trên nông dân như thế nào, chúng ta không thể hiểu hết năng lực cách mạng của nông dân và nhiệm vụ lịch sử của họ trong cuộc cách mạng chống tư bản thực dân, chống đế quốc..., mối quan hệ giữa nông dân và giai cấp địa chủ cũng tùy theo chính sách của chủ nghĩa đế quốc mà biến chuyển"<sup>4</sup>. Khi Tổ quốc bị xâm lăng, "... nông dân đoàn kết với nhau dưới một khẩu hiệu chính trị là diệt xâm lược, còn khẩu hiệu kinh tế, khẩu hiệu chống phong kiến địa phương hay chống phong kiến trung ương cũng chỉ là thứ yếu"<sup>5</sup>. Trong xã hội thuộc địa, không chỉ có công nhân và nông dân, mà các giai cấp và tầng lớp khác đều phải chịu những hậu quả nặng nề của chế độ thực dân. Độc lập tự do là ý chí, nguyện vọng của cả dân tộc.

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 7, sđd, tr 112-127.

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 7, sđd, tr. 314-115.

<sup>3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 2, sđd, tr. 14.

<sup>4</sup> Lê Duẩn: *Giai cấp vô sản với vấn đề nông dân trong cách mạng Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1965, tr. 155.

<sup>5</sup> Minh Tranh: *Một số ý kiến về nông dân Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1961, tr. 18.

Do sự chèn ép, cạnh tranh của tư bản Pháp, giai cấp tư sản Việt Nam rất nhỏ yếu cả về kinh tế và chính trị, không phải là giai cấp thống trị như giai cấp tư sản ở các nước tư bản chủ nghĩa. Trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên*, Đảng chỉ rõ: “vì tư bản Pháp hết sức ngăn trở sức sản xuất làm cho công nghệ bản xứ không thể mở mang được”, “tư bản bản xứ không có thể lực gì”, nên “không nên nói cho họ đi về phe đế quốc được”<sup>1</sup>. Đảng chủ trương tập hợp đại bộ phận các giai cấp công nhân và nông dân; lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông... đi vào phe vô sản giai cấp; đối với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản Việt Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít hơn mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (như Đảng Lập hiến) thì phải đánh đổ. “Trong khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thỏa hiệp”.

Chủ trương tập hợp lực lượng trên đây phản ánh tư tưởng đại đoàn kết dân tộc, huy động mọi lực lượng dân tộc vào cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược, giành độc lập dân tộc.

Tuy nhiên, do nhận thức giáo điều và máy móc về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp trong xã hội thuộc địa, *Luận cương chính trị tháng 10-1930* lại quá nhấn mạnh mặt tiêu cực của các tầng lớp trên: tư sản thương mại “đứng về một phe với đế quốc chủ nghĩa và địa chủ mà chống cách mạng”; tư sản công nghiệp “chỉ đứng về mặt quốc gia cải lương” và sẽ “theo phe đế quốc chủ nghĩa”; trong giai cấp tiểu tư sản, thì bộ phận làm thủ công nghiệp “có ác cảm” với cách mạng; tiểu thương “không tán thành cách mạng”; tiểu tư sản trí thức có “xu hướng quốc gia chủ nghĩa”, “đại biểu quyền lợi cho tất cả giai cấp tư bản bản xứ”<sup>2</sup>. Từ đó, *Luận cương* chỉ thấy được vai trò động lực cách mạng của công nhân và nông dân, mà không đánh giá đúng mức vai trò cách mạng của giai cấp tiểu tư sản, khả năng chống đế quốc của tư sản dân tộc, khả năng phân hóa và lôi kéo một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ đi theo cách mạng. Do thiếu một chiến lược liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh dân tộc, nên mặc dù Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng tháng 10-1930 có *Án nghị quyết về vấn đề phản đế*, chủ trương thành lập hội phản đế, nhưng thành phần của hội vẫn nặng về các đoàn thể cách mạng, chưa bao gồm rộng rãi mọi giai cấp và tầng lớp trong dân tộc.

Trong thực tiễn phong trào cách mạng năm 1930, “ở Trung Kỳ, có những kẻ phản bội cách mạng nhưng không nhiều, “mà ngược lại, các tầng lớp trí thức và một số sĩ phu, một số trung tiểu địa chủ lại có xu hướng cách mạng rõ ràng”. “Qua khủng bố trắng dữ dội, họ vẫn cố gắng bám lấy cách mạng và âm thầm ủng hộ cách mạng, nhất là tiểu địa chủ và phú nông, trung nông hạng trên”. Ở Nghệ Tĩnh “địa chủ và phú nông cùng một số quan lại nhỏ trong nông thôn đã phân hóa, và một số lớn đã nghiêng về cách mạng”, giai cấp tư sản nhỏ “đều có ý thức xu hướng cách mạng”<sup>3</sup>. Hạn chế của phong trào cách mạng là “không tổ chức được toàn dân lại thành một lực lượng thật đông, thật kín”, “tổ chức cách mạng vẫn đơn thuần công nông và là một màu sắc nhất định như Công hội đỏ, Nông hội đỏ, Thanh niên đỏ, Sinh hội đỏ

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 2, sđd, tr. 8.

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 2, sđd, tr. 95-96.

<sup>3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 2, sđd, tr. 229.

và Cứu tế đỏ, do đó thiếu mặt tổ chức thật quảng đại quần chúng, hấp thụ các tầng lớp trí thức dân tộc, tư sản dân tộc, họ là tầng lớp trên hay ở vào lớp giữa cũng vậy, và cho tới cả những người địa chủ, có đầu óc oán ghét đế quốc Pháp, mong muốn độc lập quốc gia, để đưa tất cả những tầng lớp và cá nhân đó vào trong hàng ngũ chống đế quốc Pháp...”. Nhận thấy hạn chế đó, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra bản Chỉ thị *Về vấn đề thành lập Hội “Phản đế đồng minh”* (18-11-1930), chủ trương đoàn kết rộng rãi lực lượng toàn dân tộc, bao gồm các giai cấp, tầng lớp và cá nhân yêu nước. Bản Chỉ thị nhấn mạnh “tổ chức *Hội phản đế đồng minh* là một công tác cần khẩn”<sup>1</sup>. Đó là một chủ trương đúng, nhưng trong thực tế, Hội phản đế đồng minh chưa được thành lập thì phong trào cách mạng đã bị đế quốc Pháp dim trong một biển máu. Mặt khác, tháng 12-1930, *Thư của Trung ương gửi các cấp đảng bộ* lại tiếp tục coi địa chủ và tư sản nói chung là đối tượng cách mạng, đồng thời phê phán chủ trương tập hợp lực lượng trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* là “sai lầm chánh trị rất lớn và rất nguy hiểm”<sup>2</sup>.

Đầu năm 1936, trong một bức thư ngỏ gửi các tổ chức cách mạng quốc gia và các nhóm chống đế quốc, Ban chấp hành Trung ương Đảng chủ trương “đoàn kết, tăng cường và củng cố tất cả mọi lực lượng chống đế quốc ở Đông Dương”. Bức thư nêu rõ: “Mặc dầu có có sự khác nhau về cương lĩnh, song tất cả các tổ chức đều có một mục đích chung: đánh đổ đế quốc Pháp giành độc lập hoàn toàn cho Đông Dương. Vì lý do đó, chúng ta có thể đoàn kết với nhau để thành lập mặt trận duy nhất để đấu tranh cách mạng chống đế quốc Pháp”<sup>3</sup>. Từ tháng 7-1936, Đảng tập trung lãnh đạo cuộc vận động dân chủ, tập hợp rộng rãi mọi lực lượng dân chủ, nhưng chủ yếu vẫn là lực lượng dân tộc.

Khi Chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ, tình hình Đông Dương có những biến chuyển lớn, Đảng chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương nhằm tập hợp rộng rãi “tất cả các giai cấp, các đảng phái, các phần tử phản đế muốn giải phóng cho dân tộc”. “Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế là sự liên minh giữa các lực lượng cách mạng phản đế không phân biệt giai cấp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo, mục đích là thực hiện việc thống nhất hành động giữa các lực lượng ấy, đăng tranh đấu tiến lên võ trang bạo động đánh đổ đế quốc Pháp, Nhật và các lực lượng ngoại xâm, diệt trừ phong kiến và hạ tầng phản bội quyền lợi dân tộc làm cho Đông Dương được hoàn toàn giải phóng...”<sup>4</sup>.

Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng (5-1941) đã giải quyết vấn đề dân tộc trong từng nước ở Đông Dương, thành lập ở mỗi nước một mặt trận riêng. Hội nghị chủ trương: “trước hết tập trung cho được lực lượng cách mạng toàn cõi Đông Dương, không phân biệt thợ thuyền, dân cày, phú nông, địa chủ, tư bản bản xứ, ai có lòng yêu nước thương nòi sẽ cùng nhau thống nhất mặt trận, thu góp toàn lực đem tất cả ra giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc, đánh tan giặc pháp - Nhật xâm chiếm nước ta. Sự liên minh tất cả lực lượng của các giai cấp, đảng phái, các nhóm cách mạng cứu nước, các tôn giáo, các dân tộc kháng Nhật, đó là công việc cốt yếu của Đảng ta”<sup>5</sup>. Hội nghị chỉ rõ “chiến thuật hiện tại của Đảng ta

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 2, sđd, tr. 227-228.

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 2, sđd, tr. 236.

<sup>3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 6, sđd, tr. 9.

<sup>4</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 7, sđd, tr. 77.

<sup>5</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 7, sđd, tr. 112-113.

là phải vận dụng một phương pháp hiệu triệu hết sức thống thiết, làm sao đánh thức được tinh thần dân tộc xưa nay trong nhân dân”, vì thế “mặt trận hiệu triệu của Đảng ta hiện nay không thể gọi như trước là Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, mà phải đổi ra cái tên khác cho có tính chất dân tộc hơn, cho có một mãnh lực dễ hiệu triệu hơn”. Đó là Việt Nam độc lập đồng minh với các đoàn thể quần chúng mang tên “cứu quốc”. Khi tổ chức một đoàn thể cứu quốc điều cốt yếu “không phải là những hội viên phải hiểu chủ nghĩa cộng sản”, mà là “có tinh thần cứu quốc và muốn tranh đấu cứu quốc”<sup>1</sup>.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Mặt trận Việt Minh được thành lập, giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, quy tụ lực lượng và sức mạnh toàn dân tộc vào cuộc đấu tranh cho độc lập tự do. Đó là một điển hình thành công của Đảng về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, tập hợp lực lượng cách mạng.

### **3. Chủ trương khởi nghĩa vũ trang, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa**

Để lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy và bảo vệ chính quyền.

Xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, coi sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, Đảng và Hồ Chí Minh cho rằng *bạo lực cách mạng là bạo lực của quần chúng*, dựa vào hai lực lượng: lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, để tiến hành đấu tranh dưới hình thức: đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

*Luận cương chính trị tháng 10-1930* chủ trương ra sức chuẩn bị cho quần chúng về con đường “võ trang bạo động”. Võ trang bạo động để giành chính quyền là một nghệ thuật, “phải tuân theo khuôn phép nhà binh”.

Theo Hồ Chí Minh, ở các nước Âu, Mỹ, cuộc khởi nghĩa thường hay bắt đầu từ những cuộc bãi công chính trị rồi mới tiếp đến các cuộc vũ trang bạo động. Ở Việt Nam, khởi nghĩa có thể bùng ra ở một vài nơi rồi lan dần khắp nước. Khởi nghĩa bùng ra ở nơi nhiều rừng núi tiện cho lối đánh du kích. Đó chính là sự khác biệt của Việt Nam so với các nước phương Tây.

Vận dụng luận điểm của Lênin về tình thế cách mạng, trong tác phẩm *Con đường giải phóng*, Hồ Chí Minh nêu ba điều kiện của thời cơ khởi nghĩa:

*Một là*, chính quyền thực dân đế quốc đã lung lay bối rối đến cao độ, chúng đã cảm thấy không thể ngồi yên nắm giữ địa vị của chúng như trước.

*Hai là*, quần chúng đói khổ đã căm thù thực dân đế quốc đến cực điểm, đã thấy cần phải đồng tâm hiệp lực, nổi dậy lật đổ ách thống trị của đế quốc thực dân, vì mọi người hiểu rằng nếu ngồi yên cũng chết.

*Ba là*, đã có một chính đảng cách mạng đủ sức tổ chức, lãnh đạo quần chúng nổi dậy khởi nghĩa theo một đường lối đúng đắn, một kế hoạch phù hợp, đảm bảo giành thắng lợi cho cuộc khởi nghĩa.

---

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 7, sdd, tr. 122-125.



Nhận rõ "Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng", Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng (11-1940) phân tích tình hình và nhận định "những biến cố xảy ra sẽ đẩy nhân dân Đông Dương đến một tình thế phải tranh đấu quyết liệt để sống... Một cao trào cách mạng nhất định sẽ nổi dậy. Đảng phải chuẩn bị để gánh lấy cái sứ mệnh thiêng liêng: lãnh đạo cho các dân tộc bị áp bức Đông Dương vũ trang bạo động giành lấy quyền tự do độc lập"<sup>1</sup>.

Hội nghị lần thứ tám của Ban chấp hành Trung ương Đảng (5-1941) đề ra chủ trương khởi nghĩa vũ trang, nhấn mạnh chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân ta, đồng thời chỉ rõ trong những hoàn cảnh nhất định thì "với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn"<sup>2</sup>. Đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa là một điển hình sáng tạo của Đảng và Hồ Chí Minh trong việc vận dụng lý luận Mác – Lênin về khởi nghĩa vũ trang.

Trung ương Đảng khẳng định muốn gây cuộc khởi nghĩa bằng vũ trang phải nhằm vào các điều kiện chủ quan:

- 1) Mặt trận cứu quốc đã thống nhất được toàn quốc.
- 2) Nhân dân không thể sống được nữa dưới ách thống trị của Pháp - Nhật, mà đã sẵn sàng hy sinh bước vào con đường khởi nghĩa.
- 3) Phe thống trị Đông Dương đã bước vào cuộc khủng hoảng phổ thông đến cực điểm vừa về kinh tế, chính trị lẫn quân sự.
- 4) Những điều kiện khách quan thuận lợi cho cuộc khởi nghĩa Đông Dương như quân Tàu đại thắng quân Nhật, Cách mạng Pháp hay Cách mạng Nhật nổi dậy, phe dân chủ đại thắng ở Thái Bình Dương, Liên Xô đại thắng, cách mạng các thuộc địa Pháp, Nhật sôi nổi và nhất là quân Tàu hay quân Anh – Mỹ tràn vào Đông Dương<sup>3</sup>.

Với nghệ thuật khởi nghĩa dân tộc, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta ra sức chuẩn bị lực lượng, đi từ khởi nghĩa từng phần và chiến tranh du kích cục bộ ở nông thôn, tiến lên đánh giá đúng thời cơ và kiến quyết chớp thời cơ phát động tổng khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị, dùng bạo lực cách mạng của quần chúng đập tan bộ máy chính quyền của đế quốc và tay sai, thiết lập chính quyền cách mạng.

Trên cơ sở xác định đúng tính chất và lực lượng tham gia cách mạng, Đảng có sự sáng tạo về hình thức chính quyền nhà nước, nhằm giải quyết vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội là vấn đề chính quyền.

Chiến lược của Quốc tế Cộng sản là đánh đổ chế độ tư bản, lập vô sản chuyên chính theo hình thức Xôviết. Song, trong điều kiện một nước thuộc địa, phải tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, thì hình thức chính quyền nhà nước sẽ thành lập sau khi cách mạng thành công phải như thế nào?

---

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 7, sđd, tr. 58.

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 7, Sđd, tr. 131-132

<sup>3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 7, Sđd, tr. 130.

Theo Hồ Chí Minh, “Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc”<sup>1</sup>.

*Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng chủ trương “*dựng ra Chính phủ công nông binh*”<sup>2</sup>. Đó là hình thức chính quyền của đông đảo quần chúng lao động bị áp bức vùng dậy đấu tranh vì độc lập tự do. Tuy nhiên, lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc, vì thế cần có một hình thức chính quyền rộng rãi hơn, phù hợp hơn, không chỉ đơn thuần công nông, mà còn phải bao gồm các giai cấp và tầng lớp yêu nước khác.

Phù hợp với tính chất và lực lượng tham gia cách mạng, trong cuộc vận động cứu nước 1939-1945, Đảng có chủ trương mới về hình thức chính quyền nhà nước. Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng (11-1939) chủ trương thành lập chính quyền nhà nước với hình thức cộng hoà dân chủ trong phạm vi toàn Đông-Dương, đồng thời cũng chỉ rõ: “Sự liên hiệp các dân tộc Đông Dương không nhất thiết bắt buộc các dân tộc phải thành lập một quốc gia duy nhất vì các dân tộc như Việt Nam, Miên, Lào xưa nay vẫn có sự độc lập. Mỗi dân tộc có quyền giải quyết vận mệnh theo ý muốn của mình”<sup>3</sup>. Hội nghị 8 (5-1941) đã giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương, thành lập ở mỗi nước một mặt trận riêng, và chủ trương “sau lúc đánh đuổi được Pháp - Nhật sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới theo tinh thần dân chủ. *Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà là của chung của toàn thể dân tộc* (TG nhấn mạnh), chỉ trừ có bọn tay sai của đế quốc Pháp - Nhật và những bọn phản quốc, những bọn thù, không được giữ chính quyền, còn ai là người dân sống trên giải đất Việt Nam đều thấy được một phần tham gia giữ chính quyền, phải có một phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền ấy”<sup>4</sup>.

Trong công tác tuyên truyền, Ban chấp hành Trung ương Đảng chủ trương: “không nên nói công nông liên hiệp và lập chính quyền Xôviết mà phải nói *toàn thể nhân dân liên hiệp và lập chính phủ dân chủ cộng hoà*”<sup>5</sup>.

Với đường lối đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn của Đảng cộng sản và tư tưởng độc lập tự do của Hồ Chí Minh, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta làm Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. “Cách mạng ở đâu thành công cũng phải đổ máu nhiều. Có nước phải chặt đầu vua. Có nước đồng bào chia đảng phái, chém giết nhau liên tiếp trong bao nhiêu năm. Nước ta, vua tự thoái vị, các đảng phái không có mấy. Trong một thời gian ngắn, các giai cấp đoàn kết thành một khối, muôn dân đoàn kết để mưu hạnh phúc chung là nước được hoàn toàn độc lập và chống được giặc xâm lăng, đuổi được bọn thực dân gian ác ra ngoài bờ cõi”<sup>6</sup>. Cách

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t. 2, sđd, tr. 270.

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 2, sđd, tr. 2.

<sup>3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 6, sđd, tr. 545-546.

<sup>4</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 7, sđd, tr. 114.

<sup>5</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 7, sđd, tr. 127.

<sup>6</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t. 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 43-44.

mạng tháng Tám 1945 đã giải phóng cho vị hoàng đế “sau hai mươi năm ngai vàng bệ ngọc đã biết bao ngậm đắng nuốt cay” được “làm dân tự do của một nước độc lập”<sup>1</sup>.

Đường lối chiến lược giải phóng dân tộc, một điển hình sáng tạo của Đảng và Hồ Chí Minh, không chỉ có giá trị khoa học trong việc phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể ở thuộc địa, mà còn có giá trị thực tiễn vô cùng to lớn trong toàn bộ sự nghiệp đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân của dân tộc Việt Nam vì độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, để lại những bài học lịch sử vô cùng quý báu cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay.

---

<sup>1</sup> *Tuyên cáo của Hoàng đế Việt Nam thoái vị, Việt Nam dân quốc công báo, số 1, ngày 29-9-1945.*